TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 227/2023/HS-ST.
Ngày: 16-11-2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Thanh Nhàn;

2. Bà Nguyễn Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Triều Mến, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2023; tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 202/2023/TLST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2023/QĐXXST-HS ngày 03/11/2023 đối với bị cáo:

Lê Thanh T (tên gọi khác: không), sinh năm 1996, tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký thường trú: Khu phố E, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Chạy xe ôm; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Ngọc T1 và bà Nguyễn Ngọc L; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân:

- Ngày 02/8/2016, Công an phường M, thị xã B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 231/QĐCA đối với Lê Thanh T về hành vi trộm cắp tài sản, phạt tiền 1.500.000 đồng, T nộp phạt ngày 03/8/2016.

- Ngày 22/12/2016, Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát xử phạt Lê Thanh T 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 194/2016/HSST. T chấp hành xong hình phạt tù từ ngày 13/3/2017 và đã nộp xong án phí;

Ngày 21/6/2023, Lê Thanh T bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B cho đến nay; có mặt.

- *Bị hại:* Nguyễn Công M, sinh năm 1948; đăng ký thường trú: Số G, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; tạm trú: Nhà trọ Nguyễn Văn L1, ấp P, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1972, đăng ký thường trú: Khu phố E, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Lê Thanh T làm nghề chạy xe ôm. Sáng ngày 19/6/2023, T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Blade, biển số 61G1-560.41 chở khách đến khu vực xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Sau khi khách xuống xe, T điều khiển xe chạy trên đường DT744 theo hướng đến thành phố T. Khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi đến đoạn đường DT744 thuộc ấp B, xã P, thị xã B thì T nhìn thấy ông Nguyễn Công M (bị hại) đang điều khiển xe đạp điện chạy cùng chiều với T, đi bán vé số. Lúc này, T thấy ông M già yếu nên nảy sinh ý định giả vờ mua vé số để giật lấy tiền của ông M. Thực hiện ý định, T dừng xe lại nhưng vẫn để xe nổ máy, T ngồi trên xe ra hiệu để ông M dừng xe đạp điện cạnh xe của T và hỏi mua vé số. Ông M đưa tập vé số cho T xem, T lựa lấy 05 tờ (mệnh giá 10.000 đồng/tờ) và trả tập vé số còn lại cho ông M. T nói sẽ đưa cho ông M tờ tiền 500.000 đồng, yêu cầu ông M thối lại cho T 450.000 đồng. Ông M vừa lấy số tiền 550.000 đồng từ trong túi áo ra cầm trên tay thì T liền giật lấy số tiền này vặn ga xe điều khiển chạy về nhà của T tại khu phố E, phường M, thị xã B. Đến chiều cùng ngày, T dò 05 tờ vé số chiếm đoạt của ông M nhưng không trúng thưởng nên T vứt bỏ *(bút lục 54 - 66).*

Về phía ông M, ngay khi bị T cướp giật tiền ông M đã truy hô. Lúc này, chị Nguyễn Thị Ngọc P (sinh năm 1995, thường trú: Ấp B, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương) điều khiển xe mô tô trên đường nhìn thấy sự việc nên điều khiển xe mô tô đuổi theo T khoảng 600m nhưng không kịp. Sáng ngày 21/6/2023, ông M đến Công an xã P trình báo sự việc. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô biển số 61G1-560.41 đến đoạn đường DT744 thuộc xã P, thị xã B thì bị lực lượng Công an xã P tuần tra phát hiện mời T làm việc *(bút lục 01, 42 – 44, 47 – 53).*

Vật chứng thu giữ *(bút lục 6 - 8)*: 01 xe mô tô hiệu Honda Blade, màu đỏ, biển số 61G1-560.41; tiền mặt 550.000 đồng; bộ quần áo Lê Thanh T mặc khi thực hiện hành vi phạm tội; 01 nón bảo hiểm màu trắng; 01 áo khoác màu xanh, 01 áo sơ mi màu tím, 01 quần dài màu kem và 01 đôi giày da màu nâu.

* Về xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô biển số 61G1-560.41 do bà Nguyễn Ngọc L (mẹ của bị cáo T) đứng tên đăng ký *(bút lục 45 - 46).*

- Ngày 07/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B xử lý vật chứng giao trả số tiền 550.000 đồng cho ông Nguyễn Công M và xe mô tô biển số 61G1-560.41 cho bà Nguyễn Ngọc L *(bút lục 38 - 41).*

Cáo trạng số 220/CT-VKSBC ngày 18/10/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát đã quyết định truy tố bị cáo Lê Thanh T về tội "cướp giật tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận: bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã mô tả. Bị cáo không có ý kiến gì đối với nội dung Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Thanh T phạm tội: "Cướp giật tài sản". Căn cứ điểm g, khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017; đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Về biện pháp tư pháp:

- Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

- Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; tịch thu tiêu hủy: 01 nón bảo hiểm màu trắng, 01 áo khoác màu xanh, 01 áo sơ mi màu tím, 01 quần dài màu kem, 01 đôi giày da màu nâu.

Bị cáo không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội lo cho cha mẹ và làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tình tiết định tội, định khung hình phạt:

[2.1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người làm chứng, lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn ngoan cố thực hiện nhiều lần, thể hiện ý thức liều lĩnh và xem thường pháp luật.

[2.3] Hành vi lợi dụng bị hại già yếu, mất cảnh giác để nhanh chóng giật tài sản sau đó tẩu thoát của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "cướp giật tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Do đó, bản Cáo trạng số 220/CT-VKSBC ngày 18/10/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát cũng như ý kiến luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo: Bị cáo tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe nhưng không lo lao động để có tiền tiêu xài mà lại tìm cách chiếm đoạt tài sản của người già yếu, đang bán vé số cho thấy bản chất xem thường pháp luật, xem thường đạo đức xã hội; bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị xử phạt hành chính và xử phạt tù về hành vi trộm cắp tài sản nhưng không ăn năn hối cải, tiếp tục phạm tội với tính chất và mức độ nguy hiểm nên cần phải xử phạt bị cáo một mức án thật nghiêm, tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng: Không.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã thu hồi giao trả bị hại nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017.

[5] Xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về biện pháp tư pháp:

[6.1] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[6.2] Về vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; tịch thu tiêu hủy toàn bộ vật chứng không có giá trị sử dụng bao gồm: 01 nón bảo hiểm màu trắng, 01 áo khoác màu xanh, 01 áo sơ mi màu tím, 01 quần dài màu kem, 01 đôi giày da màu nâu.

[7] Về chi phí tố tụng: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thanh T phạm tội: "Cướp giật tài sản".

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Thanh T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/6/2023.

3. Về biện pháp tư pháp:

3.1. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

3.2 Về vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; tịch thu tiêu hủy: 01 nón bảo hiểm màu trắng, 01 áo khoác màu xanh, 01 áo sơ mi màu tím, 01 quần dài màu kem, 01 đôi giày da màu nâu (theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 18/10/2023 giữa Công an thị xã B và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- PV27, Công an tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Công an thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Phương